



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)
SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING – SHIP EVALUATION

No.32, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên **iOS và Android**, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 13/2023

(21/03/2023 – 27/03/2023)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, đánh giá so sánh tổng hợp các hoạt động mua bán tàu hàng khô trong quý 1/2023 như sau: Thị trường sau đợt giảm tháng 1 đã tăng trở lại vào tháng 2 và đạt đỉnh vào tháng 3 này. Tính từ đầu năm 2023 đến 24/03, ghi nhận trên 157 tàu hàng rời được mua-bán, trong đó có 66 tàu được bán trong tháng 3, tăng mạnh 57% so với 42 tàu mua-bán trong tháng 1. Phân khúc có hoạt động giao dịch nhiều nhất là **Supramax** (40 tàu) và **Handysize** (41 tàu). Được biết các công ty Hy Lạp hoạt động tích cực nhất trong giai đoạn 3 tháng đầu năm, họ đã mua 37 tàu với độ tuổi trung bình là 10 tuổi, tập trung vào phân khúc lớn như **Capesize và Supramax**: chiếm 40%, tương ứng 15 tàu trong tổng số tàu đã mua. Hơn nữa, Hy Lạp cũng là chủ sở hữu rất tích cực bán tàu với số lượng 25 tàu, độ tuổi trung bình là 15 tuổi trong thời gian vừa qua. Kế tiếp có thể kể đến các công ty Trung Quốc, họ đã bán và mua lần lượt 18 và 22 tàu với độ tuổi trung bình là 14 tuổi trong quý 1/2023 này, trong đó nhu cầu mua phân bổ đồng đều vào các phân khúc **Capesize, Ultramax và Supramax** với tổng 18 tàu. Sau Trung Quốc là Thổ Nhĩ Kỳ, họ đã mua 14 tàu, độ tuổi trung bình là 12 tuổi và dành nhiều sự quan tâm đến phân khúc **Supramax và Handysize**: chiếm tỷ trọng khoảng 79% giao dịch mua tàu của người Mua nước này. Như vậy chỉ tính riêng số giao dịch mua tàu của ba nước kể trên đã chiếm 46,5% tổng thương vụ mua tàu quý 1/2023. (Số liệu này dựa trên các thông tin giao dịch rộng rãi, công khai mà chúng tôi ghi nhận được)

Tuần 13 vừa qua chỉ số BDI giảm 53 điểm, hiện còn 1.489 điểm. Dầu cước thuê đang biến động liên tục tại một số khu vực do số lượng hàng hóa phân bổ không đồng đều, song sức nóng thị trường mua bán vẫn giữ nguyên. Các giao dịch được ghi nhận ít hơn trước, một phần là do người Mua chưa thích ứng với mức tăng như hiện nay. Ở phân khúc **Supramax**, người Mua Hy Lạp vẫn rất tích cực hoạt động khi mua tàu **Amis Orchid** (58.120 dwt, đóng 2012, xưởng Nhật Tsuneishi đặt tại Cebu-Philippines, DD 7/2023, SS 7/2025) với giá khoảng 18,9 triệu đô la Mỹ. Được biết, giao dịch này kèm hợp đồng cho thuê tàu khoảng 1 năm (tối đa đến tháng 6/2024) với cước thuê được tính theo 104% chỉ số cước Baltic Supramax - BSI. Tàu Supramax khác là **Asali** (57.255 dwt, đóng 2010 Hàn Quốc, DD 11/2023, SS 11/2025) đang được đàm phán cho người Mua Hy Lạp với giá khoảng 17 triệu đô la Mỹ. Hai tàu trên đều đã lắp hệ thống xử lý nước dần.

Ở phân khúc 3 vạn, đầu tháng 12/2022 có tin tàu **Baltic Pearl** (37.227 dwt, đóng 2014 Trung Quốc, DD/SS 01/2024) bán với giá 19 triệu đô la Mỹ song giao dịch bất thành. Chủ tàu Mỹ đã rất tích cực chào lại tàu ra thị trường, vừa qua chốt bán với giá 16,4 triệu đô la Mỹ. Cách đây hai tuần, tàu trẻ hơn một tuổi nhưng trọng tải lớn hơn **Cielo Di Valparaiso** (39.232 dwt, đóng 2015 Trung Quốc) được chủ tàu d'Amico bán với giá khoảng 20 triệu đô la Mỹ. Giá bán tàu **Baltic Pearl** sẽ là mốc tham chiếu cho cỡ tàu 37-39k dwt đóng Trung Quốc trong thời gian tới. Trong khi đó, tuần qua cỡ tàu Handysize nhỏ hơn (34k dwt) đóng Nhật là

Daiwan Champion (34.393 dwt, đóng 2015, chở được gỗ, DD/SS 02/2025) được chủ tàu Đài Loan Wisdom Marine Lines bán với giá khoảng 20,6 triệu đô la Mỹ, cao hơn khoảng 1 triệu so với các giao dịch mua bán tàu tương tự tháng 2/2023. Ngoài ra, giao dịch này cũng kèm hợp đồng cho thuê tàu khoảng 1 năm (tối đa đến tháng 5/2024) với cước thuê được tính theo 102,5% chỉ số cước Baltic Handysize – BHSI. Như vậy, giá bán tàu **Daiwin Champion** sẽ là mốc tham chiếu mới cho tàu 35k dwt đóng Nhật. Cả 3 tàu trên đều đã lắp hệ thống xử lý nước dẫn.

Ở mảng tàu dầu/hóa chất, tổng quan thị trường thời điểm gần cuối tháng 3 tương đối ổn định và vẫn đang theo chiều hướng tích cực cho chủ tàu: cước tăng, giá tàu cao và nhiều người Mua quan tâm. Tuy nhiên tương tự mảng tàu khô, thị trường mua bán tàu dầu/hóa chất lại không ghi nhận thêm nhiều giao dịch. Các thương vụ tuần qua cũng chỉ yếu là các tàu già trung bình 15 tuổi và hiếm thấy tàu đóng Nhật. Ở mảng MR, chủ tàu NA Uy bán tàu chemical **Jo Kari** (47.128 dwt, đóng 2007 Hàn Quốc, đã lắp hệ thống xử lý nước dẫn, DD 10/2024, SS 10/2026) với giá khoảng 22 triệu đô la Mỹ - không thay đổi gì so với các tàu tương tự bán trong tháng này. Được biết, năm 2017 chủ tàu này đã mua tàu **Jo Kari** với giá khoảng 16 triệu đô la Mỹ. Một giao dịch khác đáng chú ý trong tuần qua là tàu chemical **Jemma** (38.402 dwt, đóng 2008 Trung Quốc, đã lắp hệ thống xử lý nước dẫn) bán cho người Mua Thổ Nhĩ Kỳ ở mức ấn tượng 18,9 triệu đô la Mỹ, bất kể tàu sắp đến lên đà DD/SS 06/2023. Tháng 2 vừa qua các tàu tương tự nhưng đóng tại Hàn Quốc bán với giá khoảng 16,5-17 triệu đô la Mỹ. Như vậy, các chủ sở hữu tàu Trung Quốc sẽ xem giá tàu **Jemma** sẽ là mốc tham chiếu cho các tàu tương tự.

Bảng ghi nhận các giao dịch mua bán tàu đã qua sử dụng trong tuần qua:

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
BULKERS						
Mulan	2005	Japan	176,279	16.20	Chinese	Fw dely 09-10/2023, BWTS fitted, DD 12/2023, SS 11/2025
Blumenau	2012	China	81,652	20.00	W Marine	BWTS fitted, DD 10/2025, SS 06/2027
TR Infinity	2015	Japan	77,113	25.40	Newport	BWTS fitted, DD 07/2023, SS 08/2025
Magic Moon	2005	Japan	76,602	14.00	Korean	BWTS fitted, DD 07/2025, SS 08/2025
Hui Xin 9	2012	China	75,658	17.00	Korean	BWTS fitted, DD 05/2025, SS 05/2027
Atlantic Monterrey	2017	Japan	63,590	30.00	Undisclosed	BWTS fitted, DD 05/2025, SS 01/2027
Amis Orchid	2012	Tsuneishi Cebu, Philippines	58,120	18.90	Greek	Bss dely with TC attached at 104% of BSI until max end 06/2024, BWTS fitted, DD/SS 07/2025
Asali	2010	Korea	57,255	17.00	Greek	BWTS fitted, DD 11/2023, SS 11/2025
Glovis Maine	2013	China	56,686	15.30	Undisclosed	BWTS fitted, DD/SS due 06/2023
Erisort	2014	China	39,763			BWTS fitted, M/E Eco, DD/SS 10/2024
Erradale	2014	China	39,757	61.00	JP Morgan	BWTS fitted, M/E Eco, DD/SS 08/2024
Wulin	2014	China	39,049			BWTS fitted, M/E Eco, DD/SS 03/2024
Good Luck	2018	China	37,384	21.35	Undisclosed	DD 01/2026, SS 01/2028

Baltic Pearl	2014	China	37,227	16.40	Undisclosed	BWTS fitted , ice class 1C, M/E Wartsila, DD/SS 01/2024, US-based owner
Clipper Palma	2010	Korea	34,399	13.35	Undisclosed	BWTS fitted, DD due 03/2023, SS 01/2025
Daiwan Champion	2015	Japan	34,393	20.60	Undisclosed	Bss dely with TC attached at 102,5% of BHSI till max end 05/2024, BWTS fitted, log-fitted, DD/SS 02/2025
Rui Hai 1	1998	Japan	6,175	Undisclosed	Undisclosed	Tween decker, BWTS fitted, CR 2X30,7T, DR 1X30T, DD 01/2025, SS 01/2027, HK-based owner
TANKERS						
Okeanos	2003	Korea	159,367	34.00	Middle Eastern	DD/SS due
Everbright	2010	China	156,717	42.50	European	DD due 05/2023, SS 03/2025
White Trader	1999	Japan	150,875	27.00	Undisclosed	BWTS fitted, DD/SS 10/2024
Hafnia Hudson	2007	China	76,574	23.00	Undisclosed	DD 07/2025, SS 06/2027
Hafnia Hudson	2007	China	76,543	23.00		DD 06/2025, SS 03/2027
PTI Danube	2017	Korea	49,999	40.00	Undisclosed	Dely 07/2023, BWTS fitted, chemical IMO II/III, epoxy phenolic coated, DD 02/2025, SS 01/2027
Jo Kari	2007	Korea	47,128	22.00	Undisclosed	BWTS fitted, chemical IMO III, epoxy cpoated, DD 10/2024, SS 10/2026
Ocean III	2007	China	45,672	21.50	Undisclosed	BWTS fitted, ice-strengthened, DD 10/2025, SS 01/2027
Jemma	2008	China	38,402	18.25	Turkish	BWTS fitted, chemical IMO III, epoxy coated, DD/SS due 06/2023
Seahake	2003	Germany	32,464	30.00	Undisclosed	BWTS fitted, ice class 1B, DD/SS due 11/2023
Searay	2004	Germany	32,310			Ice class 1A, DD/SS 05/2024
Preveze 1	2019	Turkey	15,081	30.00	Stolt	BWTS fitted, chemical IMO II, stainless steel, DD/SS 03/2024
Chemical Atlantik	2018	Turkey	15,081	30.00		BWTS fitted, chemical IMO II, stainless steel, DD/SS due 05/2023
Jey Hope	2008	Korea	8,981	8.30	UAE-based	BWTS fitted, chemical IMO II/III, siloxarine coated, DD 08/2025, SS 08/2027
Bomar Vesta	2008	Turkey	6,221	Undisclosed	Turkish	Chemical IMO II, siloxarine coated, M/E Wartsila, DD/SS due 11/2023
Mersey Fisher	1998	United Kingdom	4,765	3.10	Undisclosed	BWTS fitted, DD/SS due 08/2023, UK-

CONTAINER						
Northern Justice	2010	Korea	108,836	50.00	MSC	8814 teu, BWTS fitted, ice class II, DD due 04/2023, SS 03/2025
Northern Debonair	2007	China	42,183	14.80	Chinese	3534 teu, ice class II, DD 10/2025, SS 07/2027, German owner
Itha Bhum	1996	Japan	21,813	5.00	Chinese	1498 teu, BWTS fitted, DD 09/2024, SS 08/2026
Batam Trader	2002	Singapore	16,794	6.90	UAE-based	1078 teu, fully cellular, CR 2X40T, BWTS fitted, DD/SS passed 01/2023, UK-based owner
Elbsummer	2009	Japan	14,669	12.50	ElbFeeder	1025 teu, incl TC, BWTS fitted, fully cellular, gearless, ice class 1A, M/E MaK, DD/SS 07/2024
OTHERS						
Gaslog Sydney	2013	Korea	82,010	284.00	CDB Leasing	LNG 151900 cbm, BWTS fitted, stst coated, M/E Wartsila, DD/S due 05/2023
Gaslog Saratoga	2014	Korea	81,855			LNG 151990 cbm, BWTS fitted, stst coated, M/E Wartsila, DD/SS 12/2024
Gas Beryl	2010	Japan	53,010	59.00	Undisclosed	LPG 78595 cbm, BWTS fitted, DD 03/2024, SS 09/2025
Rodberg	1998	Japan	23,292	15.00	Undisclosed	LPG 20510 cbm, DD due 06/2023, SS 05/2025

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật):

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
	03/2023	1M	3M	6M	12M	

CAPESIZE

180k dwt	Resale	63.50	17%	19%	9%	5%	52.00
180k dwt	5 tuổi	53.00	19%	22%	10%	15%	36.25
170k dwt	10 tuổi	32.00	8%	12%	5%	0%	25.75
150k dwt	15 tuổi	21.00	11%	14%	12%	0%	16.25

PANAMAX

82k dwt	Resale	39.00	4%	4%	3%	-10%	33.25
82k dwt	5 tuổi	32.00	5%	5%	2%	-11%	26.25
76k dwt	10 tuổi	24.25	5%	10%	5%	-7%	17.50
74k dwt	15 tuổi	15.75	3%	3%	-5%	-10%	11.75

SUPRAMAX

62k dwt	Resale	38.00	4%	4%	1%	-7%	30.75
58k dwt	5 tuổi	30.50	7%	11%	3%	0%	21.00
56k dwt	10 tuổi	21.00	11%	14%	-2%	-9%	15.50
52k dwt	15 tuổi	16.00	5%	5%	0%	-11%	10.75

HANDYSIZE

37k dwt	Resale	31.00	5%	9%	-2%	-6%	25.25
37k dwt	5 tuổi	26.50	6%	10%	-2%	-7%	18.75
32k dwt	10 tuổi	19.00	12%	15%	3%	0%	12.25
28k dwt	15 tuổi	12.50	14%	19%	9%	-4%	7.50

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
	03/2023	1M	3M	6M	12M	

VLCC

310k dwt	Resale	126.00	0%	1%	8%	29%	95.75
310k dwt	5 tuổi	100.50	0%	6%	14%	39%	71.50
250k dwt	10 tuổi	76.50	0%	9%	19%	51%	48.50
250k dwt	15 tuổi	60.50	0%	3%	27%	70%	33.25

SUEZMAX

160k dwt	Resale	86.00	0%	1%	4%	25%	65.75
150k dwt	5 tuổi	68.50	0%	6%	10%	38%	48.75
150k dwt	10 tuổi	53.50	0%	13%	18%	60%	33.50
150k dwt	15 tuổi	34.00	0%	8%	13%	66%	20.25

AFRAMAX

110k dwt	Resale	78.50	3%	5%	8%	34%	53.00
110k dwt	5 tuổi	63.00	0%	6%	10%	38%	39.00
105k dwt	10 tuổi	50.50	0%	13%	19%	80%	26.50
105k dwt	15 tuổi	33.00	0%	14%	18%	86%	16.25

MR

52k dwt	Resale	48.50	0%	0%	2%	18%	38.50
52k dwt	5 tuổi	42.00	0%	4%	4%	38%	29.25
45k dwt	10 tuổi	33.50	3%	10%	14%	72%	19.50
45k dwt	15 tuổi	22.50	5%	5%	15%	80%	12.25

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	Qty	Yard	Owners	Delivery	Comments
Tanker	158,000 dwt	-	1	Hyundai HHI	Tsakos Energy Navigation	-	
Tanker	115,000 dwt	63.00	2	New Times Shipyard	Greek	Late 2025	Price per unit
Tanker	115,000 dwt	63.00	2	New Times Shipyard	TMS Tankers	FH 2026	Price per unit
Container	13,700 teu	-	10	Nihon	Ocean Network Express	2026-2026	Methanol and ammonia ready
LPG	91,000 cbm	-	2	Hyundai H.I.	AMPTC	8/2026	

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	03/2023	1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt)	62.5	2.46%	-2.34%	-4.58%	1.63%
Panamax (77.000 dwt)	34.5	1.47%	-11.54%	-13.75%	-4.17%
Supramax (61.000 dwt)	33.0	4.76%	-9.59%	-12.00%	0.00%
Handysize (37.000 dwt)	30.0	3.45%	-10.45%	-13.04%	-1.64%

Giá trị tàu dầu đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	03/2023	1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)	121.0	0.00%	0.00%	0.83%	4.31%
Suezmax (170.000 dwt)	81.0	0.00%	-1.22%	-1.22%	3.85%
A.max (115.000 dwt)	64.0	0.00%	-1.54%	-1.54%	4.92%
MR (56.000 dwt)	45.5	2.25%	2.25%	3.41%	8.33%

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

Dù có một chút dao động kéo dài trong tuần qua nhưng cước trung bình hai phân khúc **Ultramax** và **Supramax** sau cùng vẫn tăng nhẹ, cụ thể đóng cửa ở mức 14.657 đô la Mỹ, tăng 155 đô la Mỹ (tương đương 1,07%) so với mức 14.502 của tuần trước. Điều này cho thấy dường như thị trường 2 phân khúc này đã dần ổn định. Phía Thái Bình Dương, NYK chốt tàu **Nord Bering** (61.186 dwt, đóng 2015) đi từ Kohnsichang (25-27/03), qua Indonesia đến Nhật Bản với giá khoảng 17.000 đô la Mỹ, Seatrans chốt tàu **Sania** (57.011 dwt, đóng 2010) đi từ Beilun (21/03) qua Indonesia đến Trung Quốc với giá khoảng 12.000 đô la Mỹ, tàu **Hua Si Hai** (56.568 dwt, đóng 2012) được Cambrain chốt đi từ Fangcheng (27-28/03), cũng qua Indonesia đến Trung Quốc với giá khoảng 13.000 đô la Mỹ. Cùng lúc ở Ấn Độ Dương, tàu **Jal Kalpataru** (66.264 dwt, đóng 2021) được chốt đi từ Hamriya (dự kiến 30-31/03), chở vật liệu xây dựng qua vịnh Ả Rập đến Bangladesh với giá khoảng 30.000 đô la Mỹ, tàu **Hong Long Hai Sheng** (56.450 dwt, đóng 2013) được chốt đi từ Bahodopi (23/03), qua Indonesia đến Trung Quốc với giá khoảng 18.000 đô la Mỹ, Dava chốt tàu **Magnum Energy** (53.628 dwt, đóng 2009) chở hàng rời từ Dahej (26-30/03), qua Bờ Tây Ấn Độ đến Việt Nam với giá khoảng 16.000 đô la Mỹ. Khu vực Đại Tây Dương, Trithorn chốt tàu **Brilliant Journey** (61.417 dwt, đóng 2012) đi ngay từ Phần Lan, chở than cốc qua Baltic đến Ấn Độ với giá khoảng 18.250 đô la Mỹ.

Cước trung bình phân khúc **Handies** tuần qua đóng cửa ở mức 12.652 đô la Mỹ, tăng nhẹ 152 đô la Mỹ so với mức 12.500 đô la Mỹ của tuần trước. Thị trường dù có phần giảm ở một số khu vực phía Đại Tây Dương, tuy nhiên điều này vẫn chưa đủ làm cước dao động. Tàu **Darya Sindhu** (34.790 dwt, đóng 2020) được chốt đi từ Hamburg đến Bờ Bắc Nam Mỹ với giá khoảng 11.000 đô la Mỹ. Các chủ tàu hiện đưa ra giá khoảng 10.000-13.000 đô la Mỹ cho các chuyến chở sắt vụn đến Thổ Nhĩ Kỳ. Phía Địa Trung Hải ghi nhận được nhiều hoạt động vận tải trong tuần, đơn cử tàu **Ahsoka** (36.332 dwt, đóng 2013) neo ở Tuzla được chốt với giá khoảng 14.000 đô la Mỹ cho chuyến chở hàng rời đi từ Romania đến Algeria. Ở vùng Vịnh Hoa Kỳ, tàu **Ippokratis** (37.000 dwt, đóng 2011) được chốt một chuyến chở hàng rời đi từ sông Mississippi đến Morocco với giá khoảng 12.900 đô la Mỹ. Ở Nam Mỹ, nhìn chung không có nhiều hoạt động bởi phần lớn thương vụ

trong tháng Ba đã được chốt qua tháng sau, tàu **Beyond 2** (34.184 dwt, đóng 2010) neo ở Vila De Conde được chốt một chuyến fronthaul, chờ nhôm và trả tàu ở Nhật Bản với giá khoảng 17.000 đô la Mỹ. Thị trường phía Thái Bình Dương tuần qua có dấu hiệu xuống dốc rõ rệt. Tại đây vắng các chuyến tàu cũng như thiếu nhu cầu chở hàng mới song nhìn chung mức cước vẫn chưa điều chỉnh. Một tàu khoảng 38.000 dwt neo ở Thái Lan, có tin tàu này được chốt đến vịnh Ả Rập với giá khoảng 12.500 đô la Mỹ, cùng lúc có tàu khoảng 28.000 dwt neo ở Indonesia được chốt chở thép đến Bồ Đông Ấn Độ với giá khoảng 9.000 đô la Mỹ. Phía Bồ Tây Ấn Độ, có tin một tàu khoảng 38.000 dwt neo ở Kandla được chốt đi đến Bangladesh với giá khoảng 22.000 đô la Mỹ, tuy nhiên thương vụ không có thông tin cụ thể.

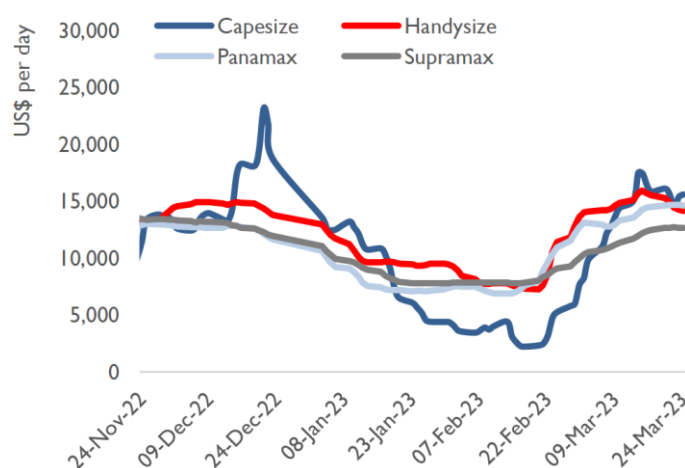
Bảng tham khảo cước một số khu vực trên thế giới trong Tuần 13/2023 vừa qua:

RATES/PANAMAX (USD/DAY, USD/TON)	TUẦN 13/2023	TUẦN 12/2023	Mức thấp nhất năm 2023 (cập nhật tới Tuần 13)	Mức cao nhất năm 2023 (cập nhật tới Tuần 13)
TRANSATLANTIC RV	12,145	13,343	4,830	16,570
TCT CONT/F.EAST	21,959	23,277	14,764	23,277
TCT F.EAST/CONT	8,963	9,869	3,818	9,869
TCT F.EAST RV	14,180	16,208	6,763	16,208
RATES/SUPRAMAX (USD/DAY)				
ATLANTIC RV	15,579	13,200	6,630	17,016
PACIFIC RV	13,069	13,531	5,056	13,531
TCT CONT/F.EAST	19,500	19,042	12,642	19,500

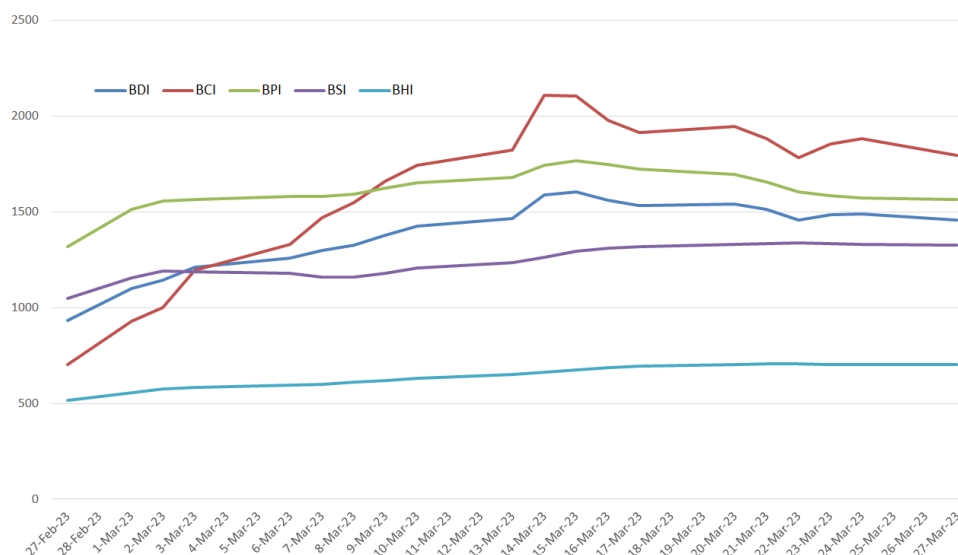
GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 24/03/2023

	US\$/ngày	▼/▲	1,361 / 201
SUPRAMAX	13,296	▲	1,361
HANDIES 38K	12,361	▼	201

(so sánh với giá trị ngày 09/03/2023)



CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ



3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Theo phát biểu của ba đại diện OPEC+, việc cắt giảm sản lượng sản xuất khó có thể thực hiện được mặc dù giá dầu đang có dấu hiệu lao dốc và sự bất ổn của thị trường tài chính. OPEC+ dự tính sẽ duy trì hạn ngạch sản lượng hiện tại cho tới hết năm 2023 và không thực hiện bất kỳ việc cắt giảm sản lượng nhằm mục đích kéo giá dầu tăng trở lại. Theo một số nhà phân tích cho rằng: việc giảm giá dầu thời điểm hiện tại được thúc đẩy bởi các hoạt động đầu cơ chứ không theo bất kỳ một nguyên lý cơ bản nào của thị trường dầu mỏ.

3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

Phân khúc tàu VLCC	Mặc dù theo dự báo trước đó, cước tàu VLCC sẽ tiếp tục tăng do nguồn hàng ổn định cùng với lượng cung tàu cân bằng trên thị trường nhưng theo ghi nhận người thuê đã không có nhiều động thái trong tuần vừa qua. Tại khu vực Trung Đông, với nguồn cung tàu tăng nhanh khiến cho Người thuê có nhiều sự lựa chọn hơn trong việc tìm tàu, tạo ra lợi thế cạnh tranh về cước khiến cho cước giảm xuống dưới mức WS100. Ngoài ra, thị trường khu vực Đại Tây Dương đã dịu xuống, cùng với đó cước vận chuyển 270.000 tấn từ khu vực MEG đi Trung Quốc giảm xuống mức WS90. Tuy nhiên, nhìn chung thị trường vẫn đang được duy trì ở mức ổn định.
Phân khúc tàu Suezmax	Theo ghi nhận, cước WS của phân khúc tàu Suezmax trên tuyến Tây Phi đi Châu Âu đã tăng trung bình 17% trong tuần vừa qua do nguồn hàng ổn định và nguồn cung tăng hạn chế. Đơn cử, cước trên tuyến Nigeria/Rotterdam tăng lên mức WS142. Đồng thời tại khu vực Trung Đông, cước chở 140.000 tấn hàng từ Basrah đi Lavera hiện đang ở mức WS76.
Phân khúc tàu Aframax	Theo thống kê, nhiều tàu Aframax gần đây đã rời khỏi khu vực Biển Bắc gây nên sự thiếu hụt về nguồn cung tàu và điều này đã tạo tiền đề dự báo cước sẽ ổn định trong thời gian tới. Cước trên tuyến Ceyhan/Lavera tăng 90 điểm lên mức WS300. Ngoài ra, các hoạt tại khu vực Địa Trung Hải/ Biển Đen cũng tăng đáng kể trong tuần vừa qua, cước đang được giữ ở mức ổn định.

3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

Đây được xem là một tuần bùng nổ của phân khúc tàu **MR** hoạt động tại khu vực Bắc Á. Theo báo cáo, cước trên tuyến Hàn Quốc đi Úc đã tăng vọt lên mức WS 245 và theo dự báo mức này sẽ giảm nhẹ trong tuần này. Các hoạt động tại thị trường Đông Nam Á đã có bước thụt lùi so với thị trường Bắc Á với ghi nhận cước trên tuyến Singapore/ Đông Úc chỉ đạt mức WS 210 tương đương khoảng 25.196 đô la Mỹ trên ngày. Tuy nhiên, theo kinh nghiệm từ những giai đoạn trước đây, khi sự khác biệt giữa các thị trường được tạo ra đủ lớn thì các tàu sẽ có xu hướng chạy rộng từ khu vực Singapore lên phía Bắc để được hưởng mức cước tốt hơn và điều này sẽ tái thiết lập mức cân bằng giữa hai thị trường. Tại khu vực UKC, cước tàu MR khá trầm lắng trong tuần vừa qua. Tuy nhiên, với sự hỗ trợ tích cực từ các hoạt động giao dịch từ khu vực Địa Trung Hải thì nhìn chung cước vẫn được duy trì ở mức ổn định. Đơn cử, cước trên tuyến Cont/USAC tăng lên mức WS 280 trước khi giảm xuống WS 260 vào thời điểm cuối tuần, tương đương với gần 39.000 đô la Mỹ trên ngày.

Cước tàu **Handy** tại khu vực Tây Bắc Châu Âu ổn định suốt tuần vừa qua. Nguồn cung tàu ở khu vực được kiểm soát do nhiều cuộc đình công đang diễn ra tại Pháp. Theo ghi nhận, cước trên tuyến ARA/UKC hiện đang ở mức WS 325 tương đương với 44.200 đô la Mỹ trên ngày. Tại khu vực Địa Trung Hải, cước cũng có xu hướng tăng mạnh, đơn cử cước trên tuyến Algeria/EU Med tăng lên mức WS 450 tại thời điểm báo cáo.

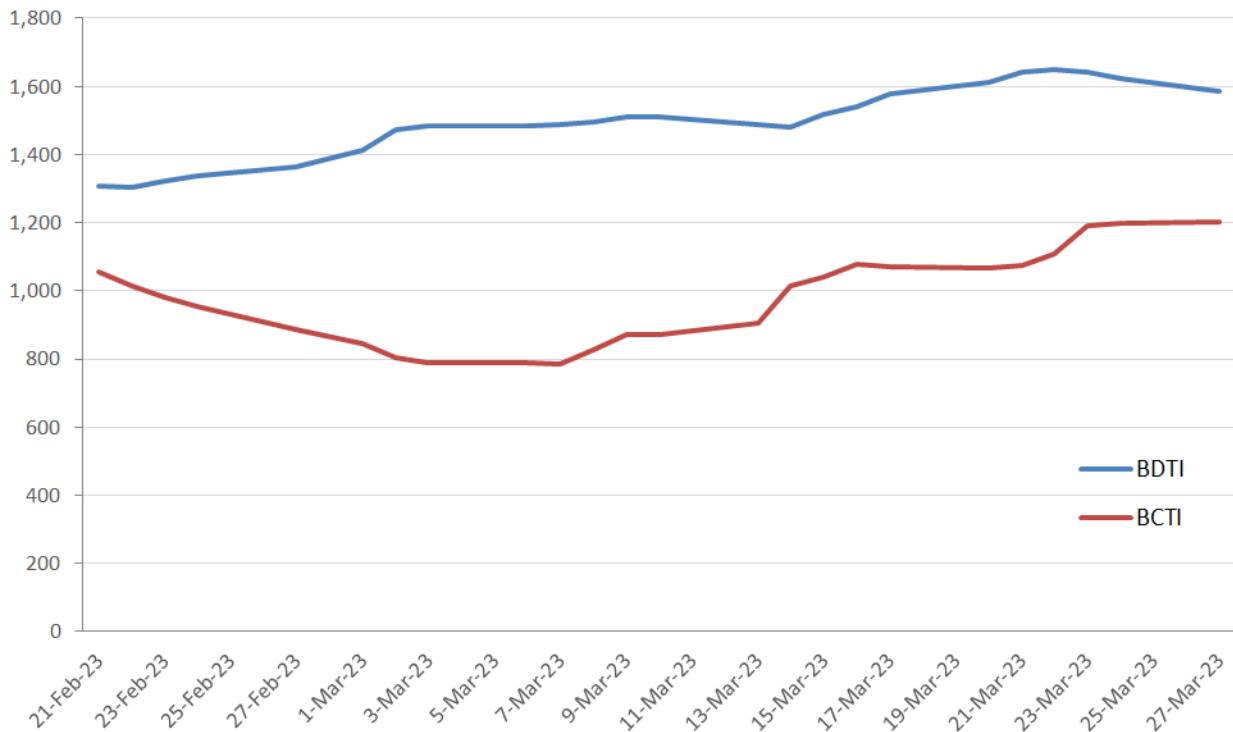
Phân khúc **tàu chở dầu/ hóa chất nhỏ** đang có xu hướng chậm lại trong những tuần vừa qua với nguồn cung tàu tại khu vực Straits và Hàn Quốc tăng lên trong thời điểm cuối tháng 3. Cùng với đó, việc thiếu hụt hàng hóa trên thị trường đã đẩy cước giảm xuống mức thấp hơn nữa. Tháng Ramanda đã được bắt đầu vào tuần vừa qua khiến cho các hoạt động của chủ hàng dầu cộ tại Indonesia cũng lắng xuống với ghi nhận một số ít các đơn hàng trên thị trường từ phía người thuê nhưng hầu như là không chắc chắn. Ngoài ra, một số nguồn

thông tin cho rằng nhiều người mua từ Trung Quốc đang dừng các giao dịch mua bán do lượng hàng tồn kho quá cao. Theo ghi nhận cước trung bình tàu 13,000-dwt từ khu vực Straits đi bờ Đông và bờ Tây Ấn Độ hiện đang lần lượt dao động quanh mức 34 - 44 đô la Mỹ trên một tấn. Tại khu vực Trung Đông, các chủ tàu cũng đang gặp phải sự cạnh tranh từ phân khúc tàu MR. Theo báo cáo, ghi nhận một số tàu ký hết hợp đồng COA vận chuyển 8.000 – 10.000 tấn methanol từ khu vực Trung Đông đi Thổ Nhĩ Kỳ vào thời điểm giữa đến cuối tháng 4. Tại thị trường phía Tây, cước tàu chở dầu thực vật từ Argentina đi Ấn độ tăng khoảng 2 đô la Mỹ trên một tấn so với tuần trước đó. Đồng thời cước tàu chở dầu sáng cũng ổn định với những đơn hàng vận chuyển tới Trung Quốc.

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US\$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 13			Giá thuê tàu định hạn tuần 12		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	46,500	39,000	36,000	46,000	38,500	36,000
SUEZMAX	44,000	34,500	31,000	43,500	33,500	31,000
AFRAMAX	44,500	34,000	28,500	43,500	33,000	28,500
LR-2	43,000	33,000	29,500	43,000	33,000	29,500
LR-1	38,500	28,500	25,000	38,500	28,500	25,000
MR	32,500	24,000	22,500	31,500	24,000	21,000
HANDY	26,000	18,000	16,500	25,500	17,500	16,000

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU



4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ

Không ghi nhận tàu phá dỡ trong tuần qua.

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO (dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu		Tàu container	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	Bangladesh	610		630		650	
2	India	570		580		600	
3	Pakistan	540		550		560	
4	Turkey	330		340		350	

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG
PIONEER SHIPBROKERS
MUA – BÁN – THUÊ TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn

*Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.*